



VIẾT TRANG với

Thi ca và Địa phương chí Đà Lạt

Ông là một người đặc biệt. Cuộc đời ông gắn bó, yêu mến Đà Lạt như chính quê cha đất tổ của mình Núi Ngõ sông Hoàng. Ông là người chân chất, sống giản dị nhưng sâu sắc tình cảm gia đình và dành nhiều thời gian cho thi ca. Nét nổi bật của ông là những bài thơ Đường Luật, thơ Lục Bát do ông sáng tác và một tập địa phương chí về Đà Lạt được ông biên soạn từ năm 1965. Đó là ông Phạm Gia Triệp (Theo gia đình, chữ Triệp trong tiếng Việt không có nghĩa, tiếng Hán có nghĩa là mái chèo). Ông theo đạo Phật nên có pháp danh là Tâm

Trí và có bút danh là Viết Trang (Bút danh này là ghép tên hai người con đầu lòng Phạm Gia Viết và Phạm Thị Mai Trang).

Một ngày, tôi theo nhà thơ Duy Viết (Hoàng Chùm) – người bạn vong niên của ông - đến nhà số 12 Trần Nhật Duật, phường 5, thành phố Đà Lạt. Đó là căn nhà mà cả gia đình ông sinh sống hàng năm qua. Chúng tôi gặp anh Phạm Gia Viết – con trai trẻ trung và bà Nguyễn Thị Huệ - vợ của ông Phạm Gia Trí (Viết Trang). Bà Huệ sinh năm 1927 ở làng An Cựu, thành phố Huế.

Năm 1950, ông Phạm Gia Trí phải mình lên Đà Lạt. Vợ sau đã thêm vợ và 2 con nhỏ cùng lên. Giai đoạn đầu, ông thất nghiệp, ở nhà trông nom các con để vợ buôn bán ở chợ Đà Lạt. Vợ ông phải mình mở quán bán thịt heo. Mỗi ngày bà nhốt hai đến ba con heo vào lồng mang đến chợ bán. Để có một thời gian ngắn, thì bà cô ruột biết được, báo: Dù con không giết heo để bán, nhưng vì yêu cầu của con, heo mag heo đến, heo vậy là con cũng tiếp tay sát sinh. Oan nghiệt lắm con ơi!. Nghe vậy, bà quyết định bỏ nghề buôn bán thịt heo và chuyển sang làm bánh phở. Nghề này để có các con ông bà tiếp tục kinh doanh cho đến bây giờ.

Khoảng 1 năm sau, ông xin được việc làm ở Ty Thông tin và được chính quyền lúc đó cho thuê căn nhà số 8 đường Trần Nhật Duật. Đây là căn nhà hoang của một gia đình xây xong rồi bỏ ở Sài Gòn. Năm 1962, ông Phạm Gia Trí được một người bạn ở bên Pháp nhờ trông coi ngôi nhà số 12 đường Trần Nhật Duật. Cũng tại căn nhà này, vợ ông phải mình tận tâm chăm sóc lò làm bánh phở để nuôi sống gia đình. Tất cả 2 căn nhà đều không phải tài sản riêng của ông: Một nhà thuê của Nhà nước. Một quản lý giùm bạn.

Sau năm 1975, chính quyền mới buộc ông phải trả ngôi nhà số 8, cho dù gia đình ông bây giờ rất đông con cháu và có người đã lập gia đình riêng. Tất cả mọi người trong gia đình đều tập trung ở ngôi nhà số 12 Trần Nhật Duật cho đến nay.

Ông Phạm Gia Trí là một công chức mẫu mực. Suốt cả cuộc đời của ông tận tâm tận lực công việc, chăm sóc tham ô tham nhũng là gì, chăm sóc làm việc và sống bình yên, không mưu toan lợi ích, vì thế mà cuộc đời ông lúc nào cũng cảm thấy như nhàn, vui tươi, yêu đời. Một lần, ty thông tin có một kioskque nằm ngay ở đường đi vào chợ Đà Lạt, gần Nam Đô Ngân hàng, có người đi nhờ ông tìm chỗ khác để trưng bày triển lãm, hỏi lấy chỗ đó buôn bán số tiền ông 200.000 đồng. Đó là số tiền rất lớn, nhưng ông từ chối. Ông không biết tiêu tiền, cũng không để tiền đem về đưa cho vợ quán xuyến gia đình. Ông chỉ dành một ít tiền túi khi gặp bạn bè.

Ông Phạm Gia Tri p sinh năm 1924, tu i Giáp Tý t i làng An C u, Hu . Khi đ ng ch c, ông Phạm Gia Tri p r t l u ý đ n vi c ghi chép đ a chí Đà L t. V i v n ki n th c r ng, am hi u và gi i ti ng Pháp, ti ng Hán, ti ng Anh c ng v i s c n m n, t m , ông Phạm Gia Tri p đã làm rõ m t giai đ n l ch s c a Đà L t, đ sau này tr thành t li u quý khi vi t v Đ a chí Đà L t.

Ông chia “Đ a ph ng chí Th xã Đà L t” ra 8 ch ng. Ch ng I nói v l ch s . Ch ng này ông đ c p đ n 3 gi thuy t liên quan đ n ch Đà L t, nh :

a/ Gi thuy t th nh : Khi bác sĩ Yersin đ n su i Cam Ly ngày nay g p nhi u th dân đang t m r a, h i tên con su i y, h đ p là DAK LAT. Dak là su i và Lát là m t b l c Th ng, và Dak Lat có nghĩa là su i c a ng i Lat.

b/ Gi thuy t th nh : Khi bác sĩ Yersin có ý đ nh l p thành ph , có h i ý ki n m t ng i Vi t h c th c r ng. Ông này đ p: “Giá c t đây m t thành ph thì vui l m, nào là sông, h , đ i, su i...” V y, đ ch ch “ vui l m”, đ t tên cho thành ph y. Đó là ch “Đa L c”. Đa là nhi u, l c là vui, do đó, sau này đ c vi t tr i ra là Đà L t.

c/ Gi thuy t th ba: Bác sĩ Yersin v n bi t nhi u v La Tinh, nh n th y Đà L t thích h p v i m i ng i, Bác sĩ cho là n i đây “giúp cho ng i này ngu n vui, k khác m t th i ti t t” (donner aux uns la joie, aux autres la température) r i Bác sĩ đ ch thành ti ng La Tinh “Dat Aliis Laetitia Aliis Temperiem”, đ n l y nh ng ch đ u ghép l i thành danh t Đà L t ngày nay.

Tr c kia, vùng Đà L t đ t đ i quy n cai tr c a v Tù tr ng tài ba tên là Yaguot, đã t ng chi n đ u ch ng l i th c dân trong th i k đô h .”

Trong ch ng này, ông Phạm Gia Tri p còn nh c đ n s hình thành th xã Đà L t năm 1946, và ch ng đ ng tr c đó, khi bác sĩ Yersin tìm ra Đà L t và đ xu t v i các viên toàn quy n Pháp t i Đông D ng th i b y gi nh Paul Doumer, Pierre Pasquier, Roume, Maurice Long, xây đ ng thành ph Đà L t, và công tác này đ c th c hi n qua 4 giai đ n, mà ông g i là:

“ Giai đ n khai sinh : Tr c tiên, nguyên Toàn Quy n P. Doumer tán thành đ án c a Bác sĩ và sau khi phái 2 đ n thám hi m vào năm 1897, 1898 do các ông Thouard, Cunhao và Guynot

c m đ u lên quan sát t i ch , li n cho xây d ng s Khí T ng và căn c thí nghi m tr ng tr t, đ ng th i m m t con đ ng t mi n duyên h i Trung Việt lên vùng s n c c.

Năm 1899, ông Paul Doumer t mình đ n vi ng thăm tình hình Đà Lạt do ngã Phan Rang lên. Sau đó, dinh th c a viên Toàn Quy n Pháp, đ n lính b n x b t đ u d ng lên. M t viên Đ c Lý thành ph đ c ch đ nh đ khu ch tr ng công tác m r ng thành ph . Nh ng sau khi ông Paul Doumer v Pháp, ch ng trình xây d ng này b đình ch h n.

Giai đ n b ng t nh: Mãi vào cu i năm 1915, Toàn Quy n Roume th c t nh Đà Lạt kh i c n tê li t hải hùng và ti p t c ch ng trình xây d ng c a ông Paul Doumer. Nh th , s nhà ngh mát tăng lên, vài ngôi dinh th đ c ti p t c ki n t o nh : Ty B u Chính, Ty Ngân Kh , khách s n Palace..., và đ n năm 1920, thành ph Đà Lạt có đ y đ ti n nghi đ n n c.

*Giai đ n xây d ng: Năm 1923, Toàn Quy n M. Long giao phó ki n trúc s Hebrard phác ho án đ m r ng thành ph nh m m c tiêu tô đi m Đà Lạt thành m t th đô “Liên Bang” và trung tâm thành ph quy t quanh H L n Đà Lạt. Đ ng th i, đ n năm 1933, qu c l s 20 dài 300 cây s có th đ a khách du l ch t Saigon đ n vi ng thăm Đà Lạt trong vài gi đ ng h .

*Giai đ n th nh v ng: T năm 1940, Đà Lạt m i ngày thêm ph n th nh. Nhà c a, công th san sát, dân c càng ngày càng tăng đ n, khai kh n nh ng th a đ t hoang vu, l p thành thôn p. Năm 1932, dân s đ c 1500 ng i. M i năm, c th tăng lên mãi và hi n nay (1965) v t con s 60.000 ng i.”

Trong ch ng II : Ph n nói v Đ a đ . Ông cho bi t:

“V đ a lý: Di n tích Đà Lạt năm 1965 là 69,200 km vuông, đ c thi t l p trên vùng Cao Nguyên Đà Lạt n m trong lòng lãnh th T nh Tuyên Đ c, kho n 11.57 đ thu c vĩ đ B c và 108.28 đ thu c kinh đ Đông.

T trên phi c nhìn xu ng, Đà Lạt có m t dãy đ i t t i, t h ng giáp gi i r ng xanh vô t n và cao t 1 400 th c đ n 1 707 th c so sánh v i m t b . Nh ng đ nh núi cao nh t: Lap Be Sud (1.707 th c) Drey Knon (1 603 th c) Hurla Vent (1 621 th c). Đ t th ng th ng màu đ ,

có nhi u l p đ t sét do đ a ch t ho di m s n t o thành.

Gi i h n: Đà Lạt n m trên cao nguyên mi n Lâm Viên B c vĩ tuy n 11.57 đ và Đông kinh tuy n 108.28 đ ..

Phía B c: m t đ ng đi t đ m t i đ n 1.424 qua đ m t i đ n 1.515; đ c theo phía tây b h An kroet làm thành m t đ ng g gh , sát nh ng cánh đ ng Dankia, Dangia và Wang Da Kon li n v i sông Da Dung. Con đ ng ranh gi i y l i v t qua cánh đ ng Wang Da Kon t Dangia đ n tr i Dankia r i đ c theo phía B c đ ng Dankia – Đà Lạt đ n đ m t a cách đ m t i đ n 1.419 v phía Tây B c 240 th c, đ n theo m t con đ ng g gh đi qua đ m t i đ n 1.501, 1.483, 1.507 và 1.500 đ g p con đ ng Dankia t i cây s 10.

T cây s 10, m t con đ ng ch y qua đ m t i đ n 1.509, 1.544 t i con đ ng m n “ Vòng Lâm Viên” đ n khi g p con đ ng m n Dasar r i đi th ng đ n đ m t i đ n 1.707 đ c g i là “Lap Be Sud”.

Phía Đông: M t đ ng ranh gi i đi t đ m t i đ n 1.707 (Lap Be Sud) n i đ m t i đ n 1.570 g i là Bnom – R’Me, r i t đ m này n i th ng v i ranh gi i phía Tây B c c a đ n đ m t Darrigade, b c theo phía Tây Nam đ n đ n trên đ n t n gi i h n Đông Nam c a đ n đ m t Da Lachevrotiere n i đ m t i đ n 1.474.

Phía Nam : M t đ ng đi t đ m t i đ n 1.474 đ n m t đ m to đ kinh vĩ tuy n: Kinh vĩ tuy n 117 G 8.804 Đông Ba Lê, Kinh vĩ tuy n 13 G 2.304 B c. Và đ m y n i li n phía Tây Nam phi tr ng Cam Ly

Phía Tây: m t đ ng đi t phí Tây Nam phi tr ng Cam Ly, đ c theo phía Tây r i phía B c phi tr ng trên đ n khi g p ranh gi i phía Tây c a đ n đ m t Cam Ly, đ n sát theo ranh gi i phía Tây c a đ n đ m t trên t n đ u Tây B c đ n đ m t Cam Ly và ch m đ t t i đ m t i đ n 1.424.

V Sông ngòi: Đà Lạt có m t con sông nh Cam Ly phát nguyên t đ nh núi You Boggey ch y t B c Nam xu ng h Than Th và đ v sông Da Du. Ngoài ra Đà Lạt l i có nh ng H khác nh : H L n Đà Lạt, H Mê Linh, (St-Benoit), H Đa Thành, H Bellevue, H An kroet...

Ví Khí h u: Đà Lạt quanh năm có khí h u mát m , th i ti t không thay đ i. Khí h u trung bình trong năm 18 đ . Đ c bi t Đà Lạt có hai mùa: Mùa n ng t tháng 11 đ n tháng 5. Mùa m a: T tháng 5 đ n tháng 11.

Ví Th o m c: Đ i núi t i đ p g m thông ba lá, hai lá và xa h n có các loài cây nh : s n, d , li u, b ão...

Ch ng III : Ví Hành chánh. Ông Ph m Gia Tri p nêu c th :

Ví dân c : Ông đ c p đ n dân s Đà Lạt năm 1965 là 59.634 ng i, chuyên v canh nông và chăn nuôi (95,7 %), g m các thành ph n nh : Đ ng bào mi n Trung mi n Nam đ n l p nghi p t lâu, đ ng bào B c Vi t đ nh c , Hoa K nh p t ch Vi t Nam, m t ít đ ng bào Th ng và Ngo i ki u : Pháp M . S c thái tuy ph c t p nh ng không có mâu thu n sâu s c v chính tr , tôn giáo, kinh t v.v..Dân s trung tâm Th xã chi m 1/3 t ng s . M t đ trung bình 600 ng i trên 1 cây s vu ng.

Ví c c u b máy hành chánh:Là m t đô th t i cao nguyên Trung Ph n, Đà Lạt đ t d i quy n đ i u khi n c a 1 Th tr ng, ch c v đ c n đ nh do s c l nh 57– A ngày 24 – 10 – 1956. Hi n nay (1965), Đà Lạt đ c sáp nh p vào t nh Tuyên Đ c thành m t Th Xã do T nh tr ng Tuyên Đ c kiêm nhi m ch c v Th tr ng. Bên c nh Chính quy n có H i Đ ng Thành Ph g m 10 đ i bi u chính th c và 4 đ i bi u đ khu y t do các H i Viên H i Đ ng Khu Ph ch n đ nh. H i Đ ng Khu Ph i do đ ng bào đ a ph ng b u c . Nhi m k c a H i Đ ng thành ph cũng nh c a H i Đ ng Khu Ph là 2 năm. H i Đ ng Thành Ph trong các bu i h i ngh do ông Th Tr ng ch to , th o lu n các v n đ ho c đ i n đ t nh ng ý ki n, nguy n v ng c a nhân dân liên h đ n quy n l i c a thành ph .

Đà Lạt chia làm 10 Khu Ph . M i Khu Ph có 1 H i Đ ng Dân C nhi m k 2 năm. H i Đ ng Dân C Khu Ph đ t d i quy n đ i u khi n tr c ti p c a ông Th Tr ng, có nhi m v qu n tr v đ a h t Hành Chánh và các v n đ thu c đ a ph ng.

H i Đ ng Dân C Khu Ph tuy n ch n gi a các v h i viên, 1 ch t ch, 1 th ký, 1 th qu đ m trách th ng tr c công vi c và g i là H i Đ ng Hành Chánh Khu Ph .

Các Khu Phố chia thành nhiều phường Tân Sinh.

Khu phố I, có 9 phường Tân sinh như An Hoà, Đa Hoà, Hoàng Lộc, Chi Lăng, Tân Thành, Cô Giang, Võ Tánh, Đa Thuận, Ánh Sáng.

Khu phố II, có 8 phường Tân sinh như Đa Trung, Đa Cát, Đa Thuận, Lộc Thành, Mỹ Thành, Nam Thiên, Vĩnh Thành, Du Sinh.

Khu phố III, có 5 phường Tân sinh như Bạch Đằng, Nguyễn Siêu, Cao Bá Quát, Thánh Mẫu, Thọ Ng Nhót.

Khu phố IV, có 3 phường Tân sinh như Đa Lợi, Tây Hồ, Sào Nam.

Khu phố V, có 3 phường Tân sinh như Phước Thành, Tùng Lâm, Cựu binh sĩ.

Khu phố VI, có 2 phường Tân sinh như Trung An, Tây Thuận.

Khu phố VII, có 4 phường Tân sinh như Xuân An, An Lộc, Du An, Saint Jean.

Khu phố VIII, có 2 phường Tân sinh như Tân Thành, Tân Lộc.

Khu phố IX, có 3 phường Tân sinh như Đa Thuận, Hà Đông, Nguyễn Tĩnh.

Khu phố X, có 2 phường Tân sinh như Tân Thọ, Đa Phước.

Sau ngày đưa ra chính phủ Ngô Đình Diệm 01.11.1963, Các Ban Trưởng Bộ và Ủy ban nhân dân Bộ theo thông điệp ưu tiên nhiệm kỳ 2 năm, đưa ra hành công tác trong Bộ.

Vị tài chính: Thủ tướng Đà Lạt trên nguyên tắc có 2 nguồn: Ngân sách thường hành (Budget ordinaire) và Ngân sách đặc biệt (Budget extraordinaire). Ngân sách thường hành duy trì hoạt động các cơ quan công quyền địa phương (Hành Chánh, Công Chánh, Y tế, Học Chánh, Vệ Sinh v.v... đặc trách các vấn đề thu nhập thuế xã hội nhân đạo : an ninh, trật tự, phát triển xã hội, kinh tế, cải thiện thành phố). Ngân sách đặc biệt chấp hành trong những kế hoạch riêng, có thể huy động nhân lực các địa phương, khu vực trong kinh tế quy mô cho công ích địa phương (ít khi có ngân sách này trên thực tế). Ngân sách thường hành hay ngân sách đặc biệt đều bắt buộc phải có tài nguyên riêng. Việc cung cấp các tài nguyên này cho công phí đều do luật tài chính chung hiện hành quy định.

Ông đã ghi chép rất cẩn thận về cách vận hành nên ngân sách lúc bấy giờ, có 2 nguồn chính, đó là tài nguyên, các loại thuế, các hoa hồng khác, tiền phạt... và công phí chi cho hành chính, an ninh, công ích xã hội, công ích kinh tế, chi phí chung... Bên cạnh đó, ông còn nêu rõ cách thức điều hành ngân sách, phê chuẩn ngân sách, phân bổ ngân sách, sự đóng góp ngân sách hàng năm và trách nhiệm trực tiếp của ông trong việc cách là Chánh Chủ tịch Ngân sách Thủ Xá (Ordonnateur Principal du Budget) trong việc thi hành Ngân sách này.

Đà Lạt tuy nằm trong Tỉnh Tuyên Đức, nhưng là một cơ quan hành chính tiên tiến, đã và đang hoạt động theo một quy chế riêng, có ranh giới, có tài sản, có ngân sách biệt lập với Tỉnh Tuyên Đức, không như những Thủ tướng khác mà tất cả các tài chính thu về hoàn toàn vào tài chính Tỉnh. Bởi đặc điểm này nên trong Công Đồng Quốc Gia, Thủ Xá Đà Lạt hoạt động với một quy chế hành như một đơn vị Hành chính địa phương theo chế độ số 57 – A ngày 24 . 10 . 1956.

Ngoài các Ủy ban trực thuộc, Thủ tướng Đà Lạt có các cơ quan cấp Ủy, Phòng hoạt động cho các đơn vị hành chính Đà Lạt và Tỉnh Tuyên Đức, như các ty: Bộ Tư Pháp, Cảnh Sát, Công Chánh, Địa phương, Tiểu Học, Kỹ thuật, Lao Động, Múc Súc, Ngân Khố, Ngõ Nghỉ, Nông Tín, Nông Vệ, Quan Thuế, Thanh Niên, Thông Tin, Thu Vệ, Trại Bộ, Vệ Sinh, Vệ Tuyến Địa phương, Y Tế, Hiện Binh, An Ninh Quân Đội.

Ngoài ty còn có các phòng, như : Du Lịch, Thủ ngữ kê, Nghĩa Sĩ Đoàn và các Tỉnh Đoàn, như :

Địa Phương Quân, Xã Hội, Hội Lâm Viên và Tỉnh Cuộc Diệt Trộm Sốt Rét...

Đà Lạt, còn có các cơ quan mang tầm hoạt động cấp vùng, khu vực và phạm vi quốc gia như: Trung tâm Thực nghiệm Lâm Sơn, Khu Thuộc Lâm, Đài Phát Thanh, Sở Hồ Xa, Trung tâm Nguyên Tử Lực Cuộc, Nha Địa D, Bộ Nội Vụ Dân Sự, Trung Tâm Huấn Luyện Cán Bộ (Bộ Thông Tin), Trung Tâm Huấn Luyện Địa Phương Quân, Trung Tâm Huấn Luyện Hiến Binh, Trường Sĩ Quan Sĩ, Trường Võ Bộ Quốc Gia, Văn Khố Quốc Gia, Tòa Án Hoà Giải Riêng Quyển, Viện Pasteur, Viện Địa Học Đà Lạt, Nha Thanh Tra Kinh Tế Cao nguyên Trung phần...

Những tổ chức văn hoá, đoàn thể, chính trị được chính thức hoạt động tại Đà Lạt, như: Phòng Địa Diện Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam, Hội Kháng Chiến Việt Nam, Hội Cựu Chiến Sĩ, Hội Việt Hoa thân hữu, Hội Hoàng Đế Việt Nam, Hội Phụ Nữ Huỳnh Huệ Sinh Cao Nguyên Trung Phần, Tỉnh Hội Phật Giáo Đà Lạt, Hội Thánh Tin Lành, Thánh Thất Cao Đài, Sở Hồ Công Giáo Đà Lạt...

Trong chương IV: Tôn Giáo. Ông cho biết, người Đà Lạt rất mê đạo. Thánh đường, tu viện, chùa chiền, tịnh xá, đền đài, thánh thất ... được xây dựng trong khắp thành phố.

Về Công giáo (Thiên chúa giáo) thì có Thánh Đường St- Nicolas, Tu Viện Đa Minh, Nhà Giòng Chúa Cứu Thế, Tu Viện Lazaristes, Giáo Hoàng Chủng Viện, Domaine de Marie, Giòng Fransiscain, Giòng La Salle, Giòng Châu Sơn.

Về đạo Tin lành có Tòa Thánh Tin Lành, Nhà Chung Hội Gia Tô Giáo Pháp, Nhà Thờ Cựu Đốc Phủ Lâm Pháp.

Về Phật giáo có Chùa Linh Sơn, Chùa Linh Quang, Chùa Linh Phong, Chùa Viên Quang.

Về đạo Cao đài có Thánh Thất Đa Phước (Tây Ninh), Thánh Thất Đa Thành (Bến Tre).

Với thị xã Đà Lạt, văn hóa giáo dục luôn được quan tâm đặc biệt.

Đ n năm 1965, Đà Lạt, v tr ng công lp: có 2 tr ng trung hc: Tr n H ng Đ o (23 lp, 32 giáo s, 1.250 nam hc sinh) và Bùi Th Xuân (21 lp, 30 giáo s, 990 n hc sinh); 03 tr ng ti u hc: Ti u H c Ph Thông (13 tr ng, 116 lp), Ti u H c C ng Đ ng (02 tr ng, 22 lp), Tr ng N Công Gia Chánh (01 tr ng, 03 lp); 04 tr ng s hc v i 11 lp. T ng c ng (tr ng ti u hc và s hc) là 20 tr ng, 152 lp. S giáo viên:148 ng i. S hc sinh: 7.998 em (trong đó nam sinh là 4.072 em).

Bên c nh tr ng công lp, h th ng tr ng t th c cũng đ c xây d ng. Riêng b c trung hc có 8 tr ng, g m: Việt Anh, B Đ, Thăng Long, Trí Đ c, Minh Đ c, Vinh S n, Adran, Văn H c v i s hc sinh lên đ n 5020 em. B c ti u hc có 8 tr ng v i 65 lp. B c s c p có 09 tr ng v i 26 lp. S giáo viên là 92 ng i và có 3919 hc sinh.

Đà Lạt có 1 tr ng chuyên nghi p là K thu t La Salle, có 4 lp, 13 giáo s và 90 hc sinh theo hc. Đây là tr ng chuyên gi ng d y và th c hành các môn: gò, hàn, rèn, g, đ n.

Bên c nh nh ng tr ng đang d y ch ng trình Pháp, không thu c s ki m soát c a H c v nh : Grand et Petit Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux, Domaine de Marie, Nasazareth, Franciscaines, Adam...

Ông Ph m Gia Tri p đã dành th i gian nghiên c u v xã h i Đà Lạt, mà ông g i là Ch ng VI. Ch ng này, ông nói rõ khu v c ho t đ ng và náo nhi t nh t c a th xã lúc đó là Ch Đà Lạt. Ngôi ch g m 2 t ng lp u, ki n trúc tân k theo ch ng trình thi t k đô th v i m t ngân sách kho n 40 tri u đ ng b c, đ c xây d ng trên m t thung lũng r t ti n l i cho s lp u thông, buôn bán. Năm 1965, Ch Đà Lạt là m t trong nh ng ngôi ch m i đ p nh t Việt Nam và Đông Nam Á. Ngôi ch cũ (nay là R p chi u bóng Hòa Bình hay R p 3 tháng 4 Đà Lạt - NV) đ c ch nh trang bi n thành m t hí vi n chung quanh tô đi m nh ng gian hàng xinh đ p, ph n đông trình bày nh ng s n ph m c a đ a ph ng.

V y t, Đà Lạt có 1 b nh vi n dân s v i nh ng nhà hc sinh, d ng b nh, phòng gi i ph u có y c thu c men đ y đ cho b nh nhân đi u tr. T i các khu ph xa đ u có tr m c u th ng do cán b y t ho c y viên y t p Tân Sinh ph trách. Ng i Đà Lạt có th đ n khám và đi u tr 5 b nh vi n và phòng khám b nh, 4 b o sanh vi n, 2 nha vi n và mua thu c 4 nhà bán thu c Âu Đ c và nhi u ti m Đông y.

Năm 1936, Y Vi n Pasteur đ c xây d ng trang b nh ng d ng c t i tân. Y Vi n này đã đóng góp m t ph n l n lao cho b nh vi n đ a ph ng v vi c phân ch t và thí nghi m đ c ph m.

Trong nh ng năm qua (1955 -1965), nhi u c s xã h i c ng đ ng đ c xây d ng góp ph n vào ch ng trình c i thi n đ i s ng nh t là cho gi i lao đ ng và bình dân, nh : 2 khu xã h i đ c thi t l p g m 2 ký nhi vi n ti p nh n hàng ngày trên 100 nhi đ ng gia đình nghèo (Ký nhi vi n H ng L c và Nh Trung); 1 quán c m xã h i v i giá r ti n giúp đ r t nhi u cho h c sinh, sinh viên và du khách; 1 l quán Thanh niên và Lao đ ng trang b g n 200 gi ng cá nhân, phòng đ c sách, phòng gi i trí; 1 thao tr ng dành cho Thanh niên đ n luy n t p v th thao, th đ c không m t ti n.

Đà L t còn có nh ng t ch c t thi n, nh : Phòng xã h i thành l p năm 1953, H i T thi n Ph t H c, Chi nhánh H i H ng Th p T Vi t Nam, H i T Thi n giúp đ nh ng b nh nhân phong h i, U ban Xã H i Đà L t và Tuyên Đ c, T nh H i Ph n Chí Nguy n Đà L t, Nh ng t ch c t thi n u Trĩ Vi n c a các Dòng Thiên Chúa Giáo...

Ch ng VI, ông Ph m Gia Tri p ghi là Ch ng Kinh t . Lúc đó Đà L t có đ n 10.944 hécta đ t có th khai thác, trong đó có 9.464 hécta đã đ a vào s d ng. Ngu n l i chính c a thành ph là rau c i, hoa qu nh : Sà – lát, Sú, B p c i, Sú- l , C i th o, Sà – lát cô ron, Cà – r t, Cresson, Hành ta, Su – hào, Khoai – tây, Artichaut, Poireau v.v.. M c s n xu t hàng năm kho ng 15 000 t n, xu t bán trên 10 000 t n. Đà L t có đ n 90% dân s s ng v ngh tr ng rau.

Ng i làm v n c n cù ch u khó, s n ph m làm ra v n b các ch v a và th ng lái b t ch t, ép giá. Vì v y, đ n năm 1958 H p tác xã rau Đà L t đ c thành l p, quy t đ c 3 434 xã viên tham gia. T ch c và ho t đ ng c a H p tác xã nh m m c đích lo i tr trung gian bóc l t, đ m l i s giúp đ v h ng d n chuyên môn cũng nh v ti p t nông ph m, nông c cho nhà v n. Tuy nhiên h p tác xã đã b gian th ng tìm cách lũng đ n, nên dù chính quy n t n tâm giúp đ v n ch a đ m l i k t qu mong mu n. Thêm vào đó, th t c vay ti n quá phi n toái, nhà v n không đ đ i u ki n, l i ch a ý th c đ c r r t v b n ph n và quy n l i xã viên trong H p tác xã, nên có xu h ng tr v l i v i n p s ng cũ.

Nông dân Đà L t còn s n xu t nhi u lo i hoa và đ c khách hàng a chu ng, nh Hoa H ng, Glaieul, Lis v.v.. và các lo i Phong Lan, tìm ki m trong các khu r ng lân c n Đà L t. Cây ăn trái, thì có: M n, H ng, Đào, B , Dâu tây (Fraise)... cùng v i vi c k t h p làm m t m n và r u dâu.

V chn nuôi, Đà L t có 4 tr i chn nuôi: Cam Ly, Datria, La Savoisienne và Touloux, ch y u là trâu, heo, gà v t. V khoáng s n, Đà L t ch có m t vài h m đá và đ t sét tr ng (Kaolin) dùng làm đ g m. V Công nghi p, k ngh , Đà L t có: 8 x ng c a l n ho t đ ng t i Đà L t và Tuyên Đ c h ng năm s n xu t 9 400 m³ g ; 2 lò nh a thông s n xu t 400 t n; 3 máy n c đá và kem, 1 x ng đ s Thiên Nhiên (Tr i Mát, Khu Ph X) s n l ng h ng năm 207 000 chén bát đ lo i. Ngành ti u th công nghi p, có: Đ t v i, Đóng giày, Làm bún, Làm đ g , Kim hoàn v.v...Ch nhân c a các ngành nói trên, ch y u là ng i Việt, ch có 1/10 là Hoa Ki u.

V giao thông, có các con đ ng b n i li n Đà L t v i các t nh khác, nh : Đà L t – Saigon dài 305 cây s v t qua Di – Linh và đèo B o L c, đ ng tráng nh a; Đà L t – Phan – Rang (108 cây s) – Nha Trang (219 cây s) và Pleiku; Đà L t – Saigon dài 375 cây s , qua Phan Thi t; Đà L t - Buôn Mê Thu t có 2 đ ng mòn xe h i đi đ c. Đó là m t con đ ng t Liên Kh ng ngang qua Fyan và L c Thi n; m t con đ ng khác t Di Linh ngang qua Kinda và ti p n i qu c l Saigon – Buôn Ma Thu t t i Đà L t Trois Frontieres.

Đ ng xe l a, Đà L t n i li n đ ng xe l a Hu - Saigon ngang qua Krongpha, Tháp Chàm (quãng đ ng Đà L t - Krongpha đ ng s t có r ng c a và ph i v t đèo). Nhà ga Đà L t đ c hoàn thành t năm 1936.

V hàng không, thì t năm 1961, sân bay Liên Khàng (nay là c ng hàng không Liên Kh ng - NV) đã tr thành sân bay qu c t . Sân bay này cách Đà L t 30 cây s v phía Nam. Ngoài ra Đà L t còn có sân bay Cam Ly, cách Đà L t 3 cây s v phía Tây đã đ c s a ch a và khai thác dùng cho các lo i máy bay nh và quân s . Chính quy n s t i cũng l u ý đ n vi c tráng nh a, r i đá c p ph i cho các con đ ng trong thành ph s ch đ p và quang đ ng.

Trong ch ng VIII ông Ph m Gia Tri p gi i thi u nh ng th ng c nh tiêu bi u c a Đà L t nh Thác Cam Ly, Su i Vàng, H Than Th , H Mê Linh, Thác Prenn, R ng Ái Ân...v i nh ng huy n tho i r t h p đ n.

Nh ng thông tin mà ông Ph m Gia Tri p đã k công s u t m, ghi chép c n th n v Đà L t mang tính chân th t cao và r t có ý nghĩa cho vi c hoàn thi n Đ a chí Đà L t v lâu dài.

Tôi biết được biết đến xóm Lò Gò ch. Có tiếng địa danh này phôi rớt xa thành phố, tít tít trên Langbiang. Nghe thấy số biết tiếng: Lò Gò ch nằm ngay đường Hoàng Diệu - Trần Nhật Duật, phường 5, thành phố Đà Lạt.

Tôi thích bài viết của chị Phạm Thị Mai Hoàng - con gái của ông Phạm Gia Triếp về xóm Lò Gò ch. Chị có những ngòi bút trong cuộc đời hi sinh ngã ngũ cũng như tình cảm của mình khi hoài niệm về những kỷ niệm của một thời không thời nào quên:

“... Đường gọi là xóm Lò Gò ch những chòm còn dấu tích nào của nó làm ra gốc chồi Pháp. Xóm nằm dưới một phần con suối lớn chảy từ hẻm Xuân Hoàng đến thác Cam Ly - con thác duy nhất nằm trong thành phố. Phần nằm dưới theo con suối thì người dân dựng lên, biến thành vùng đất gọi là xóm Sinh. Phía ngoài chợ dưới đường Hoàng Diệu đến một buôn làng người K'Ho. Buôn làng chỉ một người dân ở rặng bao quanh thác Cam Ly chảy dài từ dưới đường Hoàng Diệu đến chân lăng mộ Nguyễn Huệ - thân phận của Nam Phương Hoàng Hậu, vị vua Bảo Đại. Người Kinh ít khi bén mảng vào đây, họ gọi vùng đất đó là huyện Mĩ. Bên cạnh những người Kinh thì người K'Ho theo thói quen đi trong rừng, họ ra chợ để trao đổi thức ăn. Đàn ông đóng khố hay mặc quần dài, cạp xà gò. Đàn bà quần sà rông dưới con trên rừng, họ gửi hàng trong những chiếc sọt. Hàng hóa của họ thì người là con gà m nhom, chân dài lê khêu; con heo mĩ đen ngòm, nhừ nhừ chỉc bình tích, thịt ăn ngon, ít mỡ; những trái dưa gang to đùng, nhừ ư nư c mà không thối, những bó ngô đậy nhả thông suốt... Chỉ dưới những trái vôi vôi gửi gào, cá khô, mĩ m mĩ...”

...Đi hết con đường Yagot thì đến của bệnh viện của thành phố, còn gọi là nhà thí nghiệm, nơi chị của mình phí cho người dân (Nay là Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng - NV). Ngoài bác sĩ chuyên trị, bệnh nhân còn được sự chăm sóc từ tình cảm của các bà Phụng của nhà thí nghiệm Domain De Marie gửi đến đó.

Đường đường Trần Nhật Duật giáp ranh với đường Hoàng Diệu có một ngôi chợ xóm. Chị nằm hai bên đường kéo dài hơn một mét và chị hụp vào bụi chuối nên có tên “Chợ Chuối”, cái tên chợ chợ đường sau này có hụp thêm vào bụi sáng và đặt tên chính thức: Chợ Mĩ Thành. Người ta bày thịt cá, rau dưa, trái cây... trên chiếc sọt để nhả, gọt vài miếng ván thông ghép lại, biến thân cây cong queo chòm một miếng tôn rách. Đa phần là người quê gánh từ nơi khác đến bán rong. Người buôn bán người chị m nhom quanh cái chợ hay quang gánh. Đôi khi có người chỉ tên cùng loại một hàng mình bán như chị Cù bán lòng, bà Năm trái cây....

...Xóm Lò G ch có m t ngôi đình th Th n Hoàng. Ngôi đình không n, k n trúc đ n g n , g m m t n i th t r ng có t ng, bài v . Vòm mái đình cong, phía tr c có sân r ng n i h i t dân đ n l và m t b c t ng hoa v hình con c p oai v tr n áp ma qu . Vào đ p đ u năm ho c ngày t l . các v l n tu i m c áo dài khăn đống l n t n g đ c bài s c ng tr ng chiêng r n vang khi n bu i t thêm trang tr ng. Bên c nh đình có m t gian nhà g nh làm l p h c v lòng cho con em c dân Lò G ch... Sau khi tr ng Tr n Bình Tr ng đ c xây thì t c h c sinh đ c đ i lên đó. Trong xóm còn có m t ngôi tr ng t th c c a bà giáo M i chuyên dành cho tr con t u h c, bà giáo h n lành, có tài làm bánh. Hai ng i con đ y ph v i m là th y Tu n và cô Li u.

Trên đ i cao ch ch lên m t chút có m t khuôn h i Ph t Giáo dành cho ng i m đ o. M c dù có th Th n Hoàng, có chùa nh ng Lò G ch ng i ta v n s ma nh t là vào đêm t i khi đi ngang qua cây mít nhà b y gian đ i đ n g n tr ng Văn H c, cái am tr c nhà bà Chef Mi, cái máy n c công c ng ngay đ u đ ng Tr n Nh t Du t hay cái mùi th m yêu quái c a cây hoa d lý h ng làm hàng rào chung quanh nhà bà Đán trên đ ng Yaguot. Câu chuy n con qu m t giò, con ma bàn i... đ đem ra k ban đêm khi n chúng tôi nh u phen khi p s .

Căn nhà c a ông Võ Đình Dung c t đ u đ ng Hoàng Di u. Ông là m t con ng i tài gi i, có đ u óc kinh doanh nhà c a và n i t n g có t m lòng đ c đ . Ông xây hàng trăm căn nhà kh p n i trong thành ph cho gi i th thuy n thuê v i giá không cao. Ông cũng là m t Ph t t thu n thành, b t n c a xây c t nh u chùa trong và ngoài thành ph .

Căn nhà g c a bà Su làm ngh y c nh đó, nhà xây c a ông Viên Cò đ i đ n. Đi thêm chút n a đ n nhà bà C u Bé, n m bên c nh là nhà bà Xã Láo, ông m t s m đ l i bà v h n lành, ch t phác nói năng nh đnh đống c t b m c quai tên Láo do ch ng đ l i.

Cùng dãy nhà v i bà Su có nhà ông th u khoán Tôn Th t Sanh. Bà Tôn Sanh là ng i hoàng t c đ p, quý phái. M c dù giàu có, th ng v nh ng ông v n quen phát t n ch cho v hàng ngày. V già, ông còn m c thêm ch ng s ăn tr m. Ông rào xung quanh ngôi nhà mình b ng ba l n k m gai, đêm th c g c đi tu n s tr m l y c p dây k m gai. M t tôi r t thích xu ng nhà bà Tôn Sanh đ đánh bài t s c.

Căn nhà m t t n c a ông Hai Đ a g m ba dãy ngang và kho ng đ t r ng đ n lò sát sinh, ng i i dân hay g i A Ba Toa (Abatoir) nuôi đàn bò đ n hàng trăm con.

Nhà tôi ở đó có quán ăn Ba Cao. Món thức ăn vang, gà đúc lò của ông chủ nhà tôi thu hút khách người Pháp. Nhà hàng xây theo kiến trúc Pháp hình vuông có cửa chớp chung quanh, phía trên gác gỗ, mái đóng nhẵn thành khảm chớp. Sau căn nhà bếp rộng rãi nhà chủ có sân có dãy chuồng ngựa, gà... mà tôi hiểu ông thích mua của vợ sau đó cho người con gà tây ăn thêm người con non. Vài con người to vợ tôi dài kêu quang quác chốc chốc nhin người đi ngang qua. Mẹ con gà mái hoa mẹ đẻ con bé đẻ đẻ cây chuối bom, trái to và ngon.

Trong xóm có hai tiệm tạp hóa nhỏ, một của ông Văn Hoàng, con ông là thầy giáo Thiên nhiên dạy toán rất giỏi. Tiệm chớp phố của bà xóm bên kia đường, cửa nháy nháy công công.

Nhà ông trước ngõ Năm Ân nằm cuối xóm. Ông có khuôn mặt hiền hòa, phúc hậu. Vợ của ông là một bà mẹ mát tay. Mẹ tôi sinh Lâm - em trai tôi, không kịp lên nhà thờ, mẹ tôi đẻ đẻ, bà đẻ mau mẹ tôi cù em tôi nằm người c thai. Người tôi lớn trúng gió hay trẻ em bị sởi đẻ đẻ, phong bế ch đi... chốc chốc vài năm nhai chai nhai sắt trùng bệnh hay đẻ đẻ u Nhãn Thiên Đẻ đẻ, bà đẻ vào các huyết đẻ trong người, nên máu... chốc đẻ đẻ mà bà đẻ đẻ đẻ không biết bao nhiêu người. Chị Lê, người tôi biết chỉ của chị Trang tôi là con gái áp út của họ có làn da trắng như gà bóc và đôi mắt to đẹp...

Ngoài các vợ có tiệm làm nhà một đường nhỏ ông Tôn Cao, Bác Hai Dĩ... Xóm Lò Gạch sinh đẻ đẻ thêm nhin nhin người người, người người lao đẻ đẻ, người người buôn bán nhin ông Thiên bán phố, ông sáu H, bà Sáu... chốc hiểu sao tôi có người có tên: bà Bảy C.

Mẹ tôi sáng mẹ tôi cùng bà Sáu, vợ ông chef ga, chốc đẻ đẻ giá nhin của khí hậu, cái rơm rơm khi đi qua cây mít đẻ đẻ nhin bán thức ăn theo. Người tôi bán hàng Đà Lạt mẹ áo dài, đẻ đẻ nón lá dù gánh hàng rong. Dân lao động nhin thức mẹ, thức học phố đẻ đẻ nhin làm thợ, khi vợ phố đẻ đẻ nhin con đẻ đẻ mòng, nên u bé phú lít bé đẻ đẻ phố..."

Qua bài viết của chị Phạm Mai Hoàng, người tôi có thể hình dung rõ Xóm Lò Gạch một thời thời sống đẻ đẻ và đẻ đẻ tình nghĩa nhin thời nào.

Quê quán của nhà thơ Viết Trang (Phạm Gia Triết) là làng Vĩnh Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đó là một miền quê nghèo nên ông nên của ông đã phải rời làng đi làm ăn xa. Sau một thời gian, trở về quê cũ, ông bà nên của ông đã sinh ra cha ông và một người con gái - người người gọi là bà Thiên. Thân phận của ông Viết Trang là một giáo làng, giỏi đẻ đẻ lý, có 3

ngồi con gái và 4 người con trai. Tuy đông con, nhưng ông khiêm tốn nhường các con cả ông làm chủ khó khăn hành.

Bà Thơ lớn lên ngày càng xinh đẹp. Tuy con nhà nghèo nhưng phong cách khoan thai, dung mạo trang nghiêm. Năm 14 tuổi, bà Thơ theo người chú làm cung nữ trong cung Nhà Nguyễn vào Đàng Ngoài vua Thành Thái. Nhờ vậy mà bà học được cách ăn nết trong cung đình. Khi vua Thành Thái bệnh lâu ngày, bà Thơ trở về nhà và lọt vào mắt xanh của một người đàn ông phú, nhưng cụ cố bà không có con. Thấy người anh trai, bà Thơ lấy số tiền dành dụm lâu nay trong cung mua một lô đất khá rộng ở làng An Cựu, góp thêm tiền để anh trai cất một ngôi nhà 2 gian 3 chái nằm bên dòng sông An Cựu nhưng đất, mua trong. Một nhà đất này bao phủ bởi một hàng tre rợp bóng thơ mộng. Ở đây, cha mẹ của ông Phạm Gia Trí đã sinh ra được 07 người con (04 trai, 03 gái), lớn lên theo sau: Chị gái đầu là Phạm Thị Thu Hương, ông Phạm Gia Trí (Nhà thơ Viết Trang), ông Phạm Gia Tùng, ông Phạm Gia Ngô, bà Phạm Thị Lang, ông Phạm Gia Đăng và bà Phạm Thị Tiểu Lan.

Bà Thơ sống một số năm. Ông Tùng mất khi đang ở nhiệm sở. Hiện nay chỉ còn ông Ngô Huy Hòa Vang, anh Quang Nam và cô em gái út của ông là Phạm Thị Tiểu Lam còn sống ở Mỹ. Các em của ông đầu đã trên 80 tuổi.

Nét đẹp thanh tao, má lúm đồng tiền của cô hàng xóm đã làm điên đảo bao chàng trai ở Huế. Một ngày có anh học trò vô danh nào đó đi ngang qua, không dám ghé lời, vội đứng lên để làm bài thơ trên sấp của cô Huệ. Bài thơ có những câu:

“Đến bên bờ sông ngang dẫu thấy buồn,

Nhìn dòng Hương chảy giã gạo trôi thơ ngây.

Mêng mông mắt đầy bụi vô tình,

Bóng chày cày qua dẫu vẫn vắng người.

Tôi đã hàng ngày bực đ n đây,

Ph n hèn không dám ng m tr i mây.

Đò qua m t chuy n t duyên bén,

C a khách sang thuy n đ t nh say.

Thuy n i có hi u n i ta không?

Sao mãi nhìn ta v t nh lòng.

Th n th c đáy lòng song ch ng hé,

Lòng th đón b t n i tình không”

Đêm nh ngày mong, anh h c trò bi t cô hàng xén đã có ng i th ng, lòng đau đ n vô cùng, đ r i có thêm bài th :

Đã m y lâu r i tôi m i trông,

Lòng bu n lại lán t mênh mông.

Thuyền nôi! Trên nước Hòn Ng Giang chày

Có biết lòng ta tê tái không?

Cố quên đi những quên quên,

Tâm lòng dấp bết nỗi tê đau.

Than ôi! Đang sống trong tình ái

Một vết thẹo lòng rồi quá sâu.

Chàng thanh niên đến cô hàng xén đem lòng yêu thương không phải chàng học trò kia, mà là ông Phạm Gia Triết và cụ cùng, đôi trai tài gái sắc đã nên chuyện vợ, chung thủy cho đến tận ngày “đau bể răng long”.

Tình yêu đó đến ông Phạm Gia Triết gặp gỡ, qua 2 bài thơ viết tặng cô hàng xén:

Sao không hò hẹn đi thăm em,

Hoa hồng chiếu xuân rồi ng trộm c th m.

Đi ngắm nhìn hoài song cửa khép,

Bài hát của anh đáng kể u liên.

.....

Ngày đó em còn tuối mớ ng mớ ,

Nâng niu lòng mớ mớ i lên ba.

Từng mùa xuân rồi hoa xuân rồi ,

Hàng phố thêm hàng áo tũ u thũ .

Một bài thơ đã gòn chốt đũa hai ngời i vớ nhau.

Tuối mớ i sáu em bán hàng bên chũ ,

Anh thơ sinh hũ n thơ y khoá thôn trong.

Nhà gòn giũ lâu lâu cùng gũ p gũ ,

Hũ n hò nhau mai thành vũ thành chũ ng.

Yêu ông Phạm Gia Triết phẩm thơ, nhàn bà vẫn có lúc ghen tuông với Nàng Thơ của ông. Đó cũng là lẽ thường tình.

Ông Phạm Gia Triết phẩm tính tình hiền lành, dung dục nên được nhiều người mến mộ với tài năng làm thơ. Ông có năng khiếu làm thơ với nhiều ngôn ngữ, như tiếng Việt, Hán, Pháp và tiếng Anh. Với thơ Đường, ông là người có kiến thức rộng trong cách dùng từ và gieo đúng niêm luật. Vì thế, mà ông có nhiều người bạn yêu thơ khắp nơi gần xa, thơ hời hợt và mong được kết bạn tri âm. Ông và các bạn thơ trong “Nhóm Thơ tập Trà Sơn” vẫn thường cùng nhau ngâm vịnh, xướng họa với đầy đủ tiếng sáo, tiếng đàn... Với ông là một phần đoạn trang, nét na của cô gái Huế, biết ông chung thủy nhàn vẫn cần nhàn giác.

Có giai thoại: Một hôm, một cô quan viên, ông Phạm Gia Triết phẩm mang theo 1 chiếc thùng carton đựng đầy giấy tờ và đi trên đường riêng của mình. Với ông - với sự nhanh nhẹn và cảm nhận của người phiêu lưu, bà nghĩ có điều gì đó ông muốn giấu giếm bà. Một buổi trưa, chợt ông đi làm, bà sai con trai theo 10 trèo lên lấy chiếc thùng carton xuống. Bà lục trong đám giấy tờ tìm ra nhàn lá thư viết mật tím, chữ tròn, nét dung dục át vịnh trao đổi với cách làm thơ nhàn cũng lẽ thường tình cảm riêng tư. Sau đó, bà sai con đem chiếc thùng lên trả lại cho cũ.

Buổi tối, ông có thói quen đọc sách trước khi đi ngủ. Bà đốt một lá thư vào giữa trang ông đang đọc dở và giấu vào ngăn nghe. Nhờ biết điều gì, ông húng hờn ho. Ông ngẩng đầu nhìn thấy thùng giấy xuống kiêu tra nhàn ng của phát hiện điều gì đó. Ông suy nghĩ đến một ngày thì hôm sau cũng lấy lá thư màu tím, chữ tròn khác xuất hiện. Cùng, ông phải giấu thích mãi, đó chỉ là nhàn ng người bạn thơ và đem tất cả ra đốt, từ đó với ông mới chịu bỏ nhàn lá thư kia. Rút kinh nghiệm, lần sau, nhàn lá thư màu tím được giấu qua nhà ông Trác, bạn thân của ông trước khi chuyển đi cho ông. Nhàn ng cùng, với ông cũng không còn muốn ghen với Nàng Thơ của ông nữa.

Bà Nguyễn Thị Huệ đã sinh cho ông Phạm Gia Triết phẩm 12 người con (08 trai, 04 gái), gồm: Phạm Gia Việt, Phạm Thị Mai Trang, Phạm Gia Hoàng, Phạm Thị Mai Hoàng, Phạm Gia Lạc, Phạm Gia Lâm, Phạm Gia Quyên, Phạm Thị Mai Chi, Phạm Gia Cường, Phạm Gia Sâm, Phạm Thị Mai Phương và Phạm Gia Hoàng. Hiện nay có 02 người con của ông đang ở Mỹ, 01 người ở Sài Gòn và 09 người con còn lại đều lập nghiệp tại Đà Lạt.

Gia đình ông Phạm Gia Triết phẩm (Việt Trang) vẫn giữ được nét đẹp truyền thống của Đà Lạt ngày xưa. Bà Nguyễn Thị Huệ - với ông rất giỏi đan móc áo bông len.

T nh , bà Hu đã theo m buôn bán và tranh th đ n nhà các bà đ m h c đan may. Bà r t thông minh, nhanh nh n, không ch u đ u hàng tr c nh ng khó khăn. Khi áo nào khó đ n m y, bà cũng làm cho k đ c. Khi Đà Lạt, c m i gi a năm, bà l i c m c i đan áo cho các con. Đ n cu i năm thì có đ 12 chi c áo len. B c nh đ u năm đ c ch p th ng là 12 ng i con trong “đ ng ph c” áo len. Bà là ng i con c a Hu nên gi i giang trong vi c b p núc, làm bánh trái. M t g ng, m t bí đao, m t d a, m t carotte, bánh in làm b ng đ u xanh ho c đ u tr ng, làm bánh tét, bánh ch ng, bánh ú...

C hình dung đ n các lo i m t bánh này, tôi l i nh chuy n ngày x a mình còn th bé Hu . Tôi cũng t ng đ c ng i bên các m , các dì, chú thím lau vu t t ng ng n lá dong, lá chu i gói bánh ch ng, bánh tét; đ b t vào khuôn làm bánh in b ng đ ng, gói bánh ú, bánh ít đen... Nh ng khi ch bánh ch ng, bánh tét chín, thay n c, chúng tôi l i quây qu n bên nhau ch i bài T i đ gi i khuây. Nh ng hình nh ngày nào c g n lên, trào dâng trong ký c c a mình.

V i bút danh Viết Trang, ông Ph m Gia Tri p là ng i làm th Đ ng Lu t Đà Lạt đ c nhi u ng i bi t đ n. Ông thành l p “ Nhóm Thi t p Trà S n” đ cùng nhau x ng h a v i b n bè, nh ng ng i yêu th . Ông có nhi u b n bè là văn ngh sĩ thành danh, nh Võ Phi n, Quách T n, Thanh Tuy n, Song Nguyên, Võ Quê, Tô Ki u Ngân, Phan Ng c Th ng Đoan...

V n là ng i theo Đ o Ph t, ch tr ng s ng trung đ o, không quá khích v i b t k vi c gì vì v y mà trong th văn c a ông Ph m Gia Tri p cũng nh h ng ít nhi u. Đ c th c a ông, không có t nào di n t cái ác. Th i gian ông dành cho th ca nhi u nh t là t năm 1980 đ n năm 2000. Đây là giai đ o n ông th ng th , h a th cùng các thi h u t B c vô Nam. Ông ch a bao gi g i bài đ ng báo đ nh n nhu n bút, nh ng ông v n có nhi u báo, t p chí đ ng th c a ông, là do b n bè chuy n g i. Trong t sách gia đ ình, ông v n còn l u tr nhi u bài th , t p th b n bè g i t ng ông. Th m chí, có ng i nh ông đ y cho h làm th .

Ch đ n khi đ c th c a ông Ph m Gia Tri p, m i bi t ông có nhi u bài th hay. Ông làm th không ph i đ t khoe mình là nhà th , mà ông rút ru t nh t cho đ i b ng chính nh ng năm tháng c a chính cu c đ i ông. Ông quan sát, chiêm nghi m và c m nh n đ cho ra đ i nh ng câu th lung linh đ m ch t tri t lý v l s ng c a cu c đ i.

Khi nghĩ v quy n uy, danh l i là h o, ông có nh ng câu th : *“Bon chen chi m t vòng danh l i / Thanh thoát non cao ng n gió vèo”, “Khanh t ng công h u h huy n c / N i đ i xuôi ng i*

khó tìm nhau”, “B c t n nh h ng nh t gi y / Danh l i nh n heo t a v i gòn”, “Mé theo t n b c c n mê hảo / M ng đ i công danh gi c m ng h i”, “ Nhìn bóng mây bay nhòa o m ng / Nghe làn gió quy n xóa h v inh ”...

Hay nh ng lúc nh n ra chân giá tr c a đ o Ph t “Vinh hoa s ng khói bay n m n p / Huy n m ng tan r i r u c n theo” ...

Ông có nh ng câu th gi m : “Tìm đâu áo l a trong thành n i / C ng khói rong ch i l ng thán ngày”, “Tóc ai ph i tr ng bên hè ph / C ng t tr i đ ng khói s ng”, “Áo c m s m nhu m làn t tóc / S ng khói đầu nhòa bóng dáng xuân”, “Đây không gió b i không xe ng a / Th nh c ru đ i h ng th o lan”, “Không hoa không b m không chi c / Còn r u còn th m cu c đ i”, “ C cây sách đá vui làm b n/ H ng đ o h ng đ i m ch s ng reo”, “ S ng khói th i gian pha b c tóc / Ng n vui l s ng c nh đoàn viên” ...

Th m nhu n giáo lý nhà Ph t, ông hi u cu c đ i v n dĩ là b kh tr m luân: “Đã hay ph n đá m hôi r n / M i rō tr n gian n c m t đ y”, “Cây c i ng nghiêng c n gió gi n / C a nhà tan tác tr n m a day”, “Nh n đã m t th i tung cánh l a / T m còn muôn k p nh đ ng t ” ...

Và ông t ch n cho mình m t l i dĩ t t i, bình yên: “Ng i d i tr i khuya h n nh p đ nh / Hóa thân du t gi n cùng trăng”, “B ng soi đ c tu vùng tắm t i / Thuy n giác đây r i v t b kh i”, “Tr n gian là quán tr / T o hóa l huy n vi/ Th nhân là l khách /Đ ng l i r i ra đ i”, “Nh lá vàng r ng r i v c i / Xin ngày mai xanh l i trên cành / Nh cát b i tr thành cát b i / Xin hình hài hóa th vô sinh”, “Lá úa nh nhàng r i u ng c i / N c trong thanh th n ch y v ngu n / Trăm năm nhân th đ u mang n /Gi a cõi vô th ng l i ph duyên”, “Ngàn năm sao đá làm thnh / Ta ng i bên c nh đá thành tri âm / Nghe nh đá h i thì th m / Ta r ng nhân th trăm năm k p ng i”, “Xin nh b c đ ng làm đau lòng đ t / T nghìn x a đ t nhân h u vô cùng / Khi còn s ng đ t xem mình ru t th t / Vĩnh bi t đ i đ t ô m p nh con”...

Tài s n văn ch ng c a ông Ph m Gia Tri p khá đ s . Ông có h n 1000 bài th đ c vi t theo nhi u th th . Ph n l n là th Đ ng Lu t và th l c bát. Ông có nguyên t p th đ t tên “Ch ng nghe chi c lá nh chao nghiêng và Ngàn năm nh Hu ” do anh Lê Văn Trung là b n c a Ph m Gia C n – con trai c a ông trình bày, in n nh ng đ t ng b n bè, gia đình và l u hành n i b . V sau, con gái c a ông là Ph m Th Mai H ng đã dành th i gian g n 2 năm thu th p nh ng bài th c a ông t nh ng cu n s tay, b n th o... đ tuy n thành m t t p th . B c

đều chia in 3 bản: 1 bản lưu giữ ở nhà, 1 bản cho Mai Trang và 1 bản cho Gia Lâm ở Mỹ.

Ông Phạm Gia Triết cũng là người có tài viết điếu văn. Nhờ ưu bản bè ông từng có bài viết người ca ông là người viết và đưa điếu văn hay ở Đà Lạt. Ông chia bao giờ phân biệt giàu nghèo, sang hèn khi viết điếu văn cho người đã khuất. Khi đưa điếu văn, ông đưa ăn mặc lịch sự và luôn cảm ơn người đưa điếu văn kính trọng người đã mất.

Một người bạn của ông từng viết về ông:

“Từ ngày xuất gia đến nay tôi đã qua gần 20 tuổi rồi, từ khi còn cắp sách theo học hay thay thầy làm chức lễ trong các đám tang, tôi luôn gặp ông cả. Ông cả không nằm trong ban tang lễ hay người làm công quả của chùa. Ông cả là một người điếu văn.”

Vào lúc huyệt, sau khi tôi tang:

- Nam Mô Thích Đản Địa Sĩ A Di Đà Phật...

Và người điếu văn trước khi huyệt, tôi thường nói:

-Tang gia có điếu văn chi muộn nói.

Ông cả luôn thay gia đình tang chức đưa điếu văn đáp lễ. Hơn hai mươi năm tôi gặp và có lẽ thời gian trước đó còn nhiều hơn nữa, bao giờ ông cả cũng mặc một bộ quần áo âu phục lịch sự, hôm nào trời lạnh khoác thêm chiếc áo khoác bằng da, đưa điếu văn cho người đã khuất, ông cả luôn trong túi điếu văn đưa cho người đưa điếu văn và lên tiếng với người đưa điếu văn. Ông cả cùng với tôi cả mấy người hoài niệm người đã khuất; lấy giáo lý nhà Phật làm điếu văn: “Trăm năm trước thân ta không có/ Trăm năm sau có cũng như không / Cuộc đời sống sống không không”.

Và cả nhữ th, khi tôi x ng câu kinh củ i cùng, ông đáp t b ng bài đ u vãn. Su t t ng năm tháng y, nh ng bài đ u vãn ông c v t không h trùng l p b i củ c s ng nào có g ng nhau. Ông c thay m t, đ ng vai trò tang ch luôn tìm đ c nh ng đ u t t đ p c a ng i đã khu t và đ a vào nh ng v n th ng t đ n l m ng i:

C u đi r i m t c u ngàn năm
M t n a đ t tr i b ng t i tằm
Vân th quan hoài s u khó c n
H ng tr n m ng đ n l khôn c m. (Khóc cha)

Câu th b n cũ tìm trong m ng
Ti ng ng c ng i x a bi t gi a đ i
Đ t nén tâm h ng xin bái v ng
Theo ni m th ng ti c l châu r i (Nh b n)

Khó nguôi th ng nh l châu tràn
Áo hi u bông h ng cũng rã tan
L ng l m đi v côi t nh
B i h i con l i tr n gian. (Khóc m)

...

Ho c m n cái tên con đ ng nói v l t sinh và ng i đi ti n bi t:

Đ ng Du Sinh b ng đ ng thành Du T
Chi c xe tang nhò nh t v i hoa xinh
Gió th than trên s i đá g p gh nh
T ng b c củ i l ng đ a ng i v i nh bi t. (Thi l)

Sáng nay, đ ng phía trên m ph n, nhìn ra xa “ Đ nh Lâm Viên tr i xanh cao l ng l ng”, sau khi tôi t ng:

- Nam Mô Ti p Đ n Đ i S A Di Đà Ph t...

Và ngay đến lúc khi huy t, tôi đi đi:

- Tang gia có đi u chi mu n nói ?!

B t giác tôi nhìn vào đi nh, ông c nheo m t hóm h nh:

- Mô Ph t! công vi c c a tui đã xong rồi i th y , ph i nh ng ng i khác thôi.

Và c i kh :

Xin chào t t c tôi đi

Nghĩ mình thân ph n chim di m t đi i

Mây tr i nh sóng n i trôi

Gió tha th t mãi nh i i ly

Xin chào...

Xin chào...

Tôi đi! (th Vi t Trang)".

Trong nh ng đi u văn c a ông Ph m Gia Tri p (Vi t Trang) còn l u i, tôi l u ý đ n bài vi t ti n đ a ông Nguy n Văn Quý, có đ o n:

"... Vào th i đ m nh ng ngày tháng khó khăn, c đã t ng xu ng vùng Lang Hanh, Tam B qu n Đ c Tr ng, v t v khai phá đ t hoang, làm r y, tr ng tr t hoa màu cùng các con t túc kinh t , m u sinh, chung s c xây đ ng cu c s ng kh quan, an l c cho gia đình.

Nh ng năm sau, c m th y tu i đã cao, phong cách an b n l c đ o ng i x a, c vui v s ng bên c nh con cháu và v n là m t Ph t t thu n thành, c s m khuya t ng kinh ph ng Ph t đ tâm h n thêm mình m n, tinh t n th m nhu n ý n m t bi nh m màu c a Ph t pháp.

Trong gia đình, c là b c huynh tr ng đ c đ , m c th c, nghiêm t , nêu g ng sáng cho con cháu, a thích s s ch s , ngăn n p, th t , d y đ th ng yêu các con các cháu. Nh công đ c đó , t c các con b c vào đ i đ u có n p s ng đ o h nh, có m t ph ng v v ng vàng trong xã h i. Đ i v i h ng lân, b ng h u g n xa, v i tánh tình thu n h u, khiêm t n, hi u

khách, c không bao giờ làm mất lòng mất ai nên m i ng i đ u dành n m m n th ng, kính tr ng c . C m t đi ph c qu viên thành ...

Th nhân không mất ai hi n h u mãi tr n gian. Cu c s ng nhân sinh h u h n, ng n ng i trăm năm mà không gian và th i gian l i vô cùng, vô n. Chung qui đ i ng i là m t cu c hành trình h ng đ n Chân Thi n M , đòi h i m i ng i nh u c g ng, nh u ph n đ u v th l c, trí tu và tinh th n đ m u c u h nh phúc cho mình, cho nh ng ng i thân và c mong góp ph n xây đ ng xã h i, quê h ng ngày càng đ c thng hoa, giàu đ p. Tuy nhiên bên c nh nh ng đ m tích c c đó, ai ai cũng v ng v n trong lòng không ít u t , ph n mu n gi a h ng tr n.

T a nh m t tr i vân hành trên b u vũ tr , có bình minh r c r thì có hoàng hôn u hoài t p n i. Th nhân cũng v y, nh m t ng i khách ta quán tr tr n gian, đ ng l i kho nh kh c vui bu n l n l n r i ph i ra đi, nên gi a cõi vô th ng có sinh , có đ i t, có thu có chung.

Ph t t Nguyên Thi n, c Nguy n Văn Quý, theo tháng năm đ đ n vào tu i th , s p khép tr n m t vòng nhân sinh. S c kho c đ n đ n m n m i và g n đây kéo thêm nh ng ngày b nh t b t an. Con cháu chí thành, chí hi u n tu thu c thang, lo l ng, săn sóc ph ng đ ng, song đ nh m nh không cho phép. Gi a khuya ngày 19.5 Canh Thìn, nh nhàng nh làn gió tho ng, m h nh bóng mây tan b n, đông đ cháu con túc tr c chung quanh, c l ng l ra đi, thanh th n nh cánh h c bay vào cõi chân th ng vĩnh c u và s g p đ c gi c m ng chân nh , h ng ng linh n ng bóng T Bi, tràn đ y ánh đ o vàng c a Đ c Nh Lai.

V i b n th Hu , ông nh đ n M n xích lô, Pho ng xích lô.

M t l n quán cà phê Th y Tiên trên đ ng Duy Tân (nay là đ ng 3 tháng 2 - NV), Đà Lạt, g p M n xích lô m t cách tình c ; ông Ph m Gia Tri p k :“M t thanh niên ng i bàn đ i đ i n, ng i t m th c, khôn m t hi n lành đ gây c m tình. Khi nghe chàng thanh niên lên t ng g i cà phê, t i b ng có c m giác g n g i b i gi ng Hu ng t m đ m đà nên c i làm quen và chúng t i tr nên thân th n đ n không ng . Anh mang theo m t chi c gi lát đ ng vài b qu áo và x p gi y t . Anh tâm s : - Em tên là M n. Lúc tr c em đ i đ y, sau m t th i gian em b đ y đ i ch y xích lô. Nh ng lúc rãnh r i, em cũng v t vài bài th ngâm nga đ bu n. Em l y tên M n Xích Lô. M n l y trong gi lát m t t gi y h c trò chép bài th t tuy t t ng t i :

“ Em là chim sâu nh”

Hồi n nhiên hót xu ng đ i

Vô tình anh bi t đ c

B ná đ ng nhìn ch i” .

(“ Chim sâu nh” của M n Xích Lô)

Bài th quá tuy t v i ! Vào bu i sáng tr i đ p, đ c quen m t ng i b n m i và nghe m t bài th hay, tôi th t h nh phúc. M n m m c i:

- Em làm bài th đó Hu t ng cho nhà em. Lên đây em có làm thêm bài th n a cũng đ cho nhà em đ t l i không đ tài nuôi n ng v con cho đ y đ nh m i ng i.

“ Th i bu i v ch ng áo c m chóng m t

R u thì bu n nh n c m t ng i th ng

Đôi khi v chùa s ng đ i tu sĩ

Th ng em và con l c lũng bên đ ng”. (M n Xích Lô)

Chúng tôi nói chuyện không dứt, tôi thỉnh thoảng ngắt lời bạn mới quen :

“ Một hồi nhìn chân chai mắt góc

Nhìn ra em đẹp bóng mà thướt tha” (Viết Trang)

Một hôm khi nào có dịp sẽ ghé thăm ở Phường Xích Lô, một ngày bạn mới quen cùng ghé thăm mình.

Năm sau, nghe tin tôi về Huế thăm gia đình, một hôm đến nhà bạn:

- Ngày mai chín giờ, em đến đón rồi chúng ta đi thăm thành phố Huế nghe.

Hôm sau, một dịp xe taxi Bao Vinh lên An Cựu:

- Anh ghé thăm tôi nhé, em chúng ta anh nhớ ghé thăm khách đó.

Tôi lên xe ngựa, một dịp phía sau, về đã về trò chuyện. Xe chạy qua các con đường.
Huế chiều nào cũng đẹp, cũng thơ : hàng phố phường đẹp rực hai bên đường, những ngôi nhà cổ thơ mộng
thoáng sau những cây xanh mát mẻ... Một chiều xích lô đẹp ngựa cưỡi ngang qua, một ghé thăm:

- Phố phường ! Phố phường !

Nghe tôi dịp xích lô tên Phường to lớn, về thăm Huế một hôm, ngoài đường tôi:

- Phóng ! Quay lại ! Anh Viết Trang thì Đà Lạt về thăm Huế nè.

A ! Thì ra Phóng Xích Lô. Có lẽ đã được nghe Mẹ nói về tôi nên Phóng không hỏi thêm, quay xe đi theo. Trễ đi p, tình cảm đi p, mất người đi già hai người đi trẻ chúng tôi về a trò chuyện. Không bao giờ tôi quên được niềm hạnh phúc của ngày được bạn tri âm chờ khắp thành phố quê mình:

“ Chiếc xích lô cùng em bè bạn

Bánh lăn tròn xuôi ngược bình minh”.

(Viết cho Mẹ - Viết Trang)

“ Tay ghì xuống chân bay tròn với gió

Hạnh phúc nào chờ theo khắp em không ?”

(Viết cho Phóng - Viết Trang)

Tôi đó Phóng Xích Lô trở thành người bạn, người em thân thiết của tôi. Được Phóng Xích Lô thuật lại chuyện: Trễ đi anh là giáo viên không được đi p nên phải bỏ nghề ; gặp sự việc vì mẹ già vì về quê anh nghèo nên thi nhân. Thấy thơ của Phóng bạn Huế lên Đà Lạt thăm người bạn cao niên. Tôi dành cho anh căn phòng nhỏ của phòng mình nhưng Phóng cũng ít đi nhà, nhiều hôm đi ngủ trưa mà chưa về ngủ. Giữ gìn của anh không yên , thấy thơ của anh tôi hết lên, nhớ gặp bạn đi ngày không nói được, đêm về chiêm bao.

Gặp Phóng Xích Lô không còn nữa, có lẽ buồn nên uống rượu say mà chờ đợi. Đó là nhà thơ tài hoa nhưng bạn của mẹ nh! Mẹ dù tuổi đã cao, tôi cũng đi hỏi thăm Huế mất lòng cuội, tôi sẽ nhớ Mẹ Xích Lô đi p xe đưa đến mẹ của Phóng thơ p nén nhang hoài niệm như ngày nay

chính Mẹ n Xích Lô cũng không còn nữa !

Với nhà thơ Bùi Giáng, ông Phạm Gia Triết cũng có kỷ niệm.

Ngày 20 tháng 12 năm 1991, có việc về Sài Gòn, ông ghé thăm nhà thơ Song Nguyên ở đường Lê Văn Sĩ. Nhà thơ Song Nguyên có nhà ở Bùi Giáng ở ngay con hẻm 220 này. Ông Phạm Gia Triết cũng từng biết đến tên tuổi, cuộc đời và thơ ca của Bùi Giáng. Lúc đó, ông viết bài thơ tặng Bùi Giáng mà chưa được gặp mặt và nhớ đến nhà thơ Song Nguyên chuyển hộ. Bài thơ vẫn có 4 câu:

*“Đến Sài Gòn nuôi anh Bùi Giáng
Mừng nhớ mẹ a lãng đãng suốt ngày
Hẻm Lê Văn Sĩ rác đậy
Anh thì n bên c nh h ng bay ngát trời.”*

Bùi Giáng nhận được bài thơ mừng nhớ nhớ n món quà, được xong xếp bỏ vào túi áo. Thời gian sau – khoảng cuối mùa đông năm Tân Mùi, ông Phạm Gia Triết lại về Sài Gòn và có thêm bài thơ khác tặng Bùi Giáng và mong được gặp để đưa a tận tay:

*“Gặp nhau đâu là làm gì
Vì chng trong mừng ta đi tìm nguôi
Mặt cõi thơ hai nét đời
Hai miền gió thổi mặt trời bên dẫu
Ngàn năm cũ ngàn năm sau
Mặt cười vô tình chào tận duyên”*

Chẳng mãi không thấy, thì duyên lại đến. Mặt sáng, trên đường đi gặp thơ cho anh Phong Vũ, bắt gặp ông Phạm Gia Triết thấy Bùi Giáng gặp gỡ, quần áo xóc xóc rách nát nằm ở góc đường. Ông Phạm Gia Triết kể:

“Tôi đứng lại bên Bùi Giáng, vỗ vai:

- Anh Bùi Giáng ! Tôi chờ anh ở tu viện nay mới gặp.

Bùi Giáng hỏi nhỡm dờ y, chờ tôi gì ngà ngà:

- Tôi đau ! tôi đau!

Tôi đợi Bùi Giáng dờ y:

- Tôi có bài thơ gửi anh đây.

Bùi Giáng cầm bài thơ đọc, chờ tôi vào túi

- Tên gì? Tên gì ?

- Tên tôi ghi nôm bài thơ . Viết Trang

- Có bút không ? Có bút không ? Có giấy không ? Có giấy không?

Đang lúng túng vì không kịp chuẩn bị , may có mấy đứa học trò hiểu u kịp đứng xem, tôi xin mượn giấy, mượn cây bút để đưa cho Bùi Giáng. Đúng ng nhỡ không phải nghĩ ngợi, ông viết rất nhanh bài thơ “ Tập thơ Viết Trang Đà Lạt” với 4 câu thơ lục bát:

“ Gặp nhau chờ tởm thơ y rừng
Niềm vui tạo ngỗ thơ ngà ngà thay

Viết Trang Đà Lạt một ngày
Sài Gòn bất chợt nhớ ngày xa xưa.” (Bùi Giáng 1992)

*Viết xong, ông nằm uống, co ngó i i ngó. Tôi đứng ngó ngó i đau xót trách ô hóa hóa sao
trêu ngó i quá th.*

*Khi nghe tin Bùi Giáng mất, quan tài quàng viết Nam Quốc Tự. Không viết Sài Gòn để c để
thập nên nhang tiễn đưa, viết nằm xúc động sâu xa, tôi viết bài thơ tiễn lòng kính mến “ Vĩnh biệt
Bùi Giáng”, như sau:*

*“Sáu năm trong cõi ngó i ta
Sáu năm đâu gặp nh là ngàn năm
Hoá thân cát bụi anh nằm
Còn tôi i i n khôn viết i...”*

(Ngày vĩnh biệt 07.10.98)

Ông Phạm Gia Triết có nhiều bạn tâm giao, bạn văn như Bùi Minh Châu, Duy Viết, Huỳnh
Quan Lâm, Phong Vũ, Cam Lĩnh, Tâm Minh Ngô Tạng Giao, Trần Văn Lạc, Lan Hình, Đức
Minh, Xuân Đài, Lê Phi, Chúc Mai, Thy Hoài, Đức Thọ Nghĩa, Duy Viết, Anh Ban, Phạm Văn
Hùng, Mạnh Hoài Nhân, Chơn Toàn Tôn Thất Mậu... Xong họ cùng những nhà thơ bạn thơ
Bùi Giáng, Thân Thiện Ngọc Quỳnh, Võ Quê, Phương Xích Lô, Mạnh Xích Lô, Song Nguyên... hay
ngâm vịnh với Quang Vinh, Tô Thọ, Cam Lĩnh, Đức Minh, Xuân Tôn, Tôn Thất Việt Bào, Nguyễn
Đình, Mạnh Hùng, Thiện Ngọc Quân, Đông Huy, Tô Kiên Ngân, Đoàn Yên Linh...

Là người con của Huế, ông yêu người chôn nhau cắt rốn của mình một cách nhiệt thành. Ông có
nguyên một tập thơ “*Gửi Huế ngàn năm*” gồm 40 bài thơ, chủ yếu là thơ đề tặng Luýt và thơ mời,
phát hành vào tháng 8 năm 2004. Ông có tu viện thơ ở bên dòng sông An Châu; là
học sinh trường Trung học Khố Đôn (nay là trường Quốc Học Huế)... nên ông rất ngưỡng mộ
cố đô. Có thể tìm thấy trong thơ Viết Trang (Phạm Gia Triết) những câu thơ ân tình với Huế:

“Đêm đêm cùng c học / Mến học không cát bụi

(Tha phương);

“Núi Ngự hồng buồn chào sông / Sông Hương trôi i nh viết đôi bờ.

(Nhớ kinh đô);

“Ngõ linh đởng thềm chi u nờng lờ / Hờng giang trờ i mờng gió canh thâu
 ”. (Chi u xuân kinh);
 “Thành phờ cũ nghờ ngàn năm vờ n vờ y / Mờ t dòng sông mờ t dáng núi thanh kờ
 . (Bờ i tha hờng); “
 Đờng qua Vờ Gờ mờ t chi u / Chời chang con nờng đờ i theo sờ u hoài / Trờ vờ An Cờ u mình ai/
 Đờng trờ sờ i đá trờ i dài lá khô”.
 (Tháng tờ phờ Huờ);
 “Cây sờ u đờng gờ y guờ c bên đờng / Ôi Huờ tàn đờng lờ nh thờ u xờng.”
 (Vờ Huờ);
 “Ngõ trúc nhà ai vờ a vờ i khếp / Bên trờ i mây tím đờ t lê thê”.
 (Huờ tàn thu) ;
 “Tâm tờ khếp mờng tha phờng / Xin cùng vờ i Huờ vờ n vờng trờ n đờ i”
 (Bài thờ gờ i Huờ);
 “Chờ a chi gió nhuờ m thu sờ u / Mà nghe sờng khời xanh màu bì t ly.
 ” (Bài thờ tờ m bì t);
 “Ngày tháng tha hờng nờ i sờ u quay quờ t/ Giờ t mờ a sa chờ a trờ lờ i cờ i nguờ n / Hai mờ i năm
 không vờ thẳm Huờ đờ c/ Nhờ mờ t loài chim xa lánh cờ hờng.
 ” (Gờ i Huờ ngàn năm);
 “Ngờ nhờ i Lâm Viên mờng gió lờ nh / Trờng vờ i cờ quờ n thoáng mây giăng / Thân không bèu bì t
 mà trôi nờ i / Đờ i lờ m sông hờ lờ m trờ trăn.”
 (Đờng vờ quờ);
 “Xin chào tờ t cờ tờ i đờ / Nghờ mình thân phờ n chim di mờ t đờ i”
 (Bài thờ tờ m bì t); “
 Ngàn năm máu đờ i vờ tim/ Trăm năm tờ nguyờ n tìm vờ cờ hờng”
 . (Bài thờ gờ i Huờ)...

Ông Phạm Gia Trí p có nhi u bài thơ viết về Đà Lạt ghi cho ng i đ c nhi u c m xúc. Chờng
 hờn nhờ : “Lá mờng ngờ p ngờ ng bay chi c chi c / Đờng thờ tha thờ n đờ o mình mình./ Mờ t linh
 hờn nhờ cùng thiên hờ / Vô nhiờ m tờ lâu bì i thờ thành” . Hờ c: “Nờ m trên bì n nóng
 Sài Gòn,/ Mà nghe Đà Lạt vờ n còn mờ a sờng
 .” Và:
 “Và phút chia tay / Chờ a kờ p lờ i tờ giã / Xuân vờ a tàn nờng rờ i vờ phờng đờ / Chi u tháng tờ
 mờ a rờ t lờ i nờ i này.”

Mờ t lờ n đờn Thác Cam Ly, ông viết: “Vài cánh chim chi u chao cờ bì c,/ Mờ t làn gió muờ n đờng
 càn đờng./ Đờ y vờ i thác có cùng mờ a nờng,/ Mà bì t đầu rờ i khách vờ n phờng.
 ”

Thờ Đờng Luờ t là thờ thờ thờ mờ nh cờ a ông. Trong bài thờ “Cao nguyên cờ m xúc”, ông viết
 năm 1964 nhờ sau: “Cao nguyên bát ngát cờ nh buờ n teo, / Đờ t đờ rờng xanh lờ m suờ i đờo. /

Lũng híp điều hiu thôn bần đàng, / Đồi cao thóp thoáng thênh thang kinh trèo. / Múi năm đọt khách sủu khôn cấn, / Muôn đóm quê nhà nhĩ mãi đèo. / Nhĩng lúc hoàng hôn trĩ tím nhĩ t, / Ai cùng tâm sủu gĩ i tình theo”

. Văn “eo” hay “e” là mọt trong nhĩng văn n rĩ t khó gieo trong thơ Đĩng ng Luĩt, ông văn có mọt bài thơ tĩ tuyĩ t thĩ t hay:

“Chĩ đĩ i lĩn lĩn thân đĩn lĩ / Chĩng ng ngĩ i mĩ a đĩng lĩn nĩng hĩ. / Chĩng đĩ bao phen danh trĩĩ c lĩ i, / Gĩĩ gĩn nĩp áo đĩ u tua te!

”. Hay nhĩ bài thơ “Chĩ u thu bĩn hĩ Đĩ Lạt”:

“ Chĩ u thu lĩn lĩ nh cũ i trĩ i thu / Sĩĩng bĩ c mong manh rĩ i mĩ t hĩ. / Đĩ nh thĩp Hũng Vĩĩng thĩp thoáng nhĩ t, / Bĩng cũ u Ông Đĩ o chĩp chĩn lu/ Nhĩ ai ngĩy đĩ vui tao ngĩ, / Chĩ bĩn hĩm nao hĩn lĩ c thũ. / Thĩĩng mĩ nh trĩng non nhĩa sĩng nĩĩ c, / Mĩ o vĩ bĩĩ c lĩ c ý hoang vu”.

Mọt lĩn đĩn thĩm Thĩc Cam Ly và hĩ Than Thĩ, ông cũ m tĩc: “Gĩĩ t nĩĩ c Cam Ly thĩn lĩ đĩ / Thĩng ngĩn Than Thĩ ngĩĩ n muĩn lĩ i/ Đĩ i nhĩ sĩĩng khĩi trĩn bĩ mĩng/ Trĩng hĩ huyĩn neo gĩĩ a bĩn trĩ i”.

Trong bài thơ “ Đĩ Lạt mĩ a”, ông viĩ t: “Đĩ Lạt mĩ a hoĩi ... em chĩng hay, / Tĩĩng mĩ a tĩĩ t lĩ nh cũ cĩy gĩ y. / Mĩ t trĩ i chĩ a bao gĩĩ chĩ u nĩng, / Bài thơ tình chĩ t lĩng trĩn tay.

/
Mĩ a vĩn bay qua rĩng qua nũĩ / Mĩ a vĩn rĩ i xũĩng phĩ xũĩng phĩĩng. / Khĩng gian đĩng tan thĩn lĩ đĩ, / Gĩĩ xũĩng hĩn gĩĩ t nhĩ gĩĩ t thĩĩng. / Trong khoĩ nh khĩ c, em chĩ t lĩ i. Muĩn mĩng! / Trong khoĩ nh khĩ c, em vĩ i xa. Phĩĩn muĩn. / Anh hĩ t hĩng trong nĩĩ m tin vĩ vĩng, / Rĩ t ngĩĩ m ngũĩ nhĩ c đĩ o cũ đĩn.”

Bài thơ “ Đĩ Lạt tàn thu” cũĩng là mọt bài thơ nĩĩng cũ a ông:

Đĩ Lạt tàn thu lĩ nh ít nhĩĩ u,

Mĩ t chĩ u tao ngĩ đĩĩ m thĩĩng yĩu.

Lĩng sao chũĩng xũĩng nĩĩ m xao xũĩn

Nhĩ bĩn bao la đĩ y thuĩ trĩĩ u.

Đà Lạt tàn thu ít nh ít nh u,

Lá vàng chi c chi c r ng r i theo.

Th say b n th t n ng men r u,

Ai xoá h n ai n i qu nh hiu.

Đà Lạt tàn thu ít nh ít nh u,

Con chim quyên hót g a hoang liêu.

Gió qua đ i v ng l i than th ,

Mây v bu n lên v i ráng chi u.

Đà Lạt tàn thu ít nh ít nh ít u,

Sống choàng i cũ đá phong rêu.

Lưu th khép kín dòng tâm s,

Thm mng i đây vng dáng Kì u.

Đà Lạt tàn thu ít nh ít nh ít u,

Tiêng thu tha thì t gió phiêu phiêu.

Mh đâu đó bàn tay v y,

Mt nét hoa văn già i a đi u.

Đà Lạt tàn thu ít nh ít nh ít u,

Trăng thu i i ng bóng thuy n treo.

Ta đang phôi nôi . Tình xa ngái...

Thoáng gió thu sủu dạt dạt xiêu.

Đà Lạt tàn thu lờn nh ít nhũ u..."

Nhà thơ Viết Trang còn dịch thơ tiếng Pháp sang tiếng Việt và làm thơ bằng tiếng Pháp.

Với 100 bài thơ trong tập bản thảo "Chẳng nghe chim lá nh chao nghiêng" phần nào đã nói lên sức sáng tạo văn học của nhà thơ Viết Trang. Đó, người đi tìm thơ "nguồn thi hứng dồi dào, thơ thanh nhã, ngôn từ trong sáng giản dị, hồn thơ thuần Nôm, ít lờn nhũ u Hán thi ngôn ngữ "loại thơ Luật Đương" mà bản bè ông đã ghi nhận. Đó, người đi tìm thơ tình yêu của ông dành cho x Huân mng m, Đà Lạt yêu thơ ngôn lãng mạn mà suốt cuộc đời của ông đã gợn bóng. Đó, là tâm tình ông gửi gắm cho bản bè, người thân và người vợ thân yêu mà cùng ông vượt qua bao khó khăn, vất vả gian nan để có một gia đình đầm ấm, hạnh phúc.

Và, cũng ít ai biết rằng, ông Phạm Gia Triếp – bút danh Viết Trang từng đoạt giải thi thơ của Đài Phát thanh Pháp Á (năm 1950 và 1954); từng có thơ được in vào sách giáo khoa ngữ văn dạy học sinh sơ – trung học và những bài thơ được các nhà văn sĩ Châu Kỳ, Nguyễn Hữu Ty, Huỳnh Công, Yên Sa... phê bình.

Ngoài thú làm thơ, ông còn thích chụp ảnh. Khi chụp được bức ảnh nào, thơ được là ông in tặng người bản bè, người thân. Ông vĩnh viễn ra đi vào cõi vĩnh hằng vào ngày 24 tháng 07 năm 2010 tại thành phố ngàn hoa Đà Lạt. Mộ phần an táng tại Nghĩa trang Du Sinh.

Cố cu cậu đi, hơn 60 năm yêu mến thành phố này, ông Phạm Gia Triết (Việt Trang) rớt đũa c
nhiều người biết đến với nhân cách sống, thái độ sống và một bầu trời vẫn lai láng, đằm đằm ch
Đông ng Luýt c xa, nhúng vịn gọi lên đũa c tình cảm của người viết với mảnh đất, con người mà
mình gọi gọi. Đũa c ông, hiểu thêm một chướng ngại vật thay đổi của Đà Lạt, hiểu thêm
về tình yêu mà ông dâng hiến cho thi ca. Dù đã xa nghìn trùng, ông Phạm Gia Triết (Việt
Trang) vẫn là một người có duyên nợ Đà Lạt đến tận hôm nay.

TRUYỆN NGẮN TRÁC

(sưu tập và tổng hợp)